Trung A Ham - Thich Tue Sy dich (90)

Kinh A Hàm — Trung A Hàm

Trung A Ham - Thich Tue Sy dich

Thư mục BuddhaSasana

Lưu ý: Đọc với phông chữ CN-Times nâng cấp hay Arial Unicode MS

Trung A H m Kinh

Mục Lục Tổng Quát

01. PHẨM BẢY PHÁP

02. PHẨM NGHIỆP TƯƠNG ƯNG

03. PHẨM XÁ-LÊ TỬ TƯƠNG ƯNG

04. PHẨM VỊ TẰNG HỮU PHÁP

05. PHẨM TẬP TƯƠNG ƯNG

06. PHẨM VƯƠNG TƯƠNG ƯNG

07. PHẨM TRƯỜNG THỌ VƯƠNG

08. PHẨM UẾ

09. PHẨM NHÂN

10. PHẨM LÂM

11. PHẨM ĐẠI (Phần đầu)

117. Kinh Nhu Nhuyến

118. Kinh Long Tượng

119. Kinh Thuyết Xứ

120. Kinh Thưyết Vô Thường

121. Kinh Thỉnh Thỉnh

122. Kinh Chiêm-Ba

123. Kinh Sa-Môn Nhị Thập Ức

124. Kinh Bát Nạn

125. Kinh Bần Cùng

126. Kinh Hành Dục

127. Kinh Phước Điền

128. Kinh Ưu-Bà-Tắc

129. Kinh Oán Gia

130. Kinh Giáo

131. Kinh Hàng Ma

132. Kinh Lại-Tra-Hòa-La

133. Kinh Ưu-Bà-Ly

134. Kinh Thích Vấn

135. Kinh Thiện Sanh

136. Kinh Thương Nhân Cầu Tài

137. Kinh Thế Gian

138. Kinh Phước

139. Kinh Tức Chỉ Đạo

140. Kinh Chí Biên

141. Kinh Dụ

12. PHẨM PHẠM CHÍ (Phần đầu)

12. PHẨM PHẠM CHÍ (Phần sau)

13. PHẨM CĂN BỔN PHÂN BIỆT

14. PHẨM TÂM

15. PHẨM SONG

16. PHẨM ĐẠI (Phần sau)

17. PHẨM BÔ-ĐA-LỢI

18. PHẨM LỆ

Source: LotusMedia lotusmedia.net

KINH TRUNG A HÀM

Hán Dịch: Phật Đà Da Xá & Trúc Phật Niệm, Việt Dịch & Hiệu Chú: Thích Tuệ Sỹ

11. PHẨM ĐẠI

(Phần Đầu) 123. KINH SA-MÔN NHỊ THẬP ỨC [1] T ôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ức [02] cũng du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Ám lâm[01]; đầu đêm, giữa đêm và cuối đêm đều học tập không ngủ, tinh cần chánh trụ, tu tập đạo phẩm. Khi ấy Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ức sống một mình nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, tâm khởi lên ý nghĩ: “Nếu có đệ tử nào của Đức Thế Tôn tinh cần học tập pháp luật chân chánh thì ta là người bậc nhất, thế mà tâm vẫn chưa giải thoát được các lậu. Nhà

cha mẹ ta cực kỳ phú quý, có nhiều tiền của, nay ta có nên xả giới, bỏ đạo hạnh, chuyên việc bố thí, tu tập các phước nghiệp chăng?”

Bấy giờ Đức Thế Tôn bằng tha tâm trí biết rõ tâm niệm của Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ức, liền bảo một Tỳ-kheo:

“Ngươi hãy đi đến chỗ kia, gọi Sa-môn Nhị Thập Ức về đây.”

Tỳ-kheo ấy bạch:

“Kính vâng.”

Rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, bước ra, đi đến chỗ Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ức nói:

“Đức Thế Tôn cho gọi thầy.”

Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ức nghe Tỳ-kheo ấy nói, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật rồi ngồi một bên. Đức Thế Tôn nói:

“Sa-môn, phải chăng vừa rồi ngươi sống một mình nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, tâm khởi lên ý nghĩ: ‘Nếu có đệ tử nào của Đức Thế Tôn tinh cần học tập pháp luật chân chánh thì ta là người bậc nhất, thế mà tâm vẫn chưa giải thoát được các lậu. Nhà cha mẹ ta cực kỳ phú quý, có nhiều tiền của, nay ta có nên xả giới, bỏ đạo hạnh, chuyên việc bố thí, tu tập các phước nghiệp chăng?’”

Khi ấy Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ức thẹn thùng xấu hổ, không thể không hoang mang, rằng, “Thế Tôn đã biết rõ tâm niệm của ta”, liền chắp tay hướng về Đức Phật mà bạch rằng:

“Quả thật vậy.”

Đức Thế Tôn nói:

“Sa-môn, nay Ta hỏi ngươi; hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Ý ngươi nghĩ sao, khi ngươi sống tại gia, giỏi đánh đàn cầm nên tiếng đàn hòa điệu với lời ca, lời ca ăn khớp với tiếng đàn; có phải vậy chăng?”

Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ức thưa:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Ý ngươi nghĩ sao, nếu dây đàn căng quá thì tiếng hòa âm có đáng ưa không?”

Sa-môn Nhị Thập Ức đáp:

“Bạch Thế Tôn, không!”

Đức Thế Tôn lại hỏi:

“Ý ngươi nghĩ sao, nếu dây đàn chùng quá thì tiếng hòa âm có đáng ưa chăng?”

Sa-môn Nhị Thập Ức đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Đức Thế Tôn lại hỏi:

“Ý ngươi nghĩ sao, nếu dây đàn vừa phải, không căng quá, cũng không chùng quá, thì tiếng đàn có đáng ưa không?”

Sa-môn Nhị Thập Ức đáp:

“Bạch Thế Tôn, đáng ưa.”

Đức Thế Tôn nói:

“Cũng vậy, này Sa-môn, quá sức tinh tấn sẽ khiến tâm rối loạn, nhưng chẳng tinh tấn thì tâm sẽ biếng lười. Vì vậy ngươi hãy phân biệt thời gian nào nên quán sát tướng nào, chớ nên buông lung.”

Bấy giờ Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ức sau khi nghe Đức Phật dạy, khéo thọ lãnh, khéo ghi nhớ, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra. Lãnh thọ ví dụ đàn cầm do Đức Phật dạy rồi, liền sống một mình ở nơi xa vắng, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn. Tôn giả ấy sau khi sống một mình ở nơi xa vắng, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, liền đạt được mục đích mà một thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, duy chỉ mong thành tựu phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ức đã biết pháp rồi, v.v..., cho đến, chứng quả A-la-hán.

Lúc bấy giờ, sau khi đã chứng quả A-la-hán, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ức nghĩ rằng: “Nay đã đến thời, ta có nên đi đến chỗ Đức Thế Tôn trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí của mình chăng?” Rồi thì Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ức đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi xuống một bên mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo chứng đắc Vô sở trước [03] , dứt trừ các lậu, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, hữu kết đã giải trừ [04] , tự thân đạt được thiện nghĩa [05] , bằng chánh trí mà chứng đắc giải thoát, thì tức khắc vị ấy liền vui nơi sáu trường hợp [06] : vui nơi vô dục, vui nơi viễn ly, vui nơi vô tránh, vui nơi ái tận, vui nơi thủ tận, và vui nơi tâm không di động [07] .

“Bạch Thế Tôn, hoặc có người nghĩ rằng: ‘Hiền giả này do y tín tâm nên vui nơi vô dục’. Người ấy không nên quán như vậy. Chỉ khi nào dứt trừ được tham dục, sân nhuế và ngu si thì mới vui nơi vô dục.

“Bạch Thế Tôn, hoặc có người nghĩ rằng: ‘Hiền giả này vì thích được khen ngợi, muốn được cúng dường, cho nên vui nơi viễn ly’. Người ấy không nên quán như vậy. Chỉ khi nào dứt trừ được tham dục, sân nhuế và ngu si thì mới vui nơi viễn ly.

“Bạch Thế Tôn, hoặc có người nghĩ rằng: ‘Hiền giả này do y trên giới nên vui nơi vô tránh’. Người ấy không nên quán như vậy. Chỉ khi nào dứt trừ được tham dục, sân nhuế và ngu si thì mới vui nơi vô tránh, vui nơi ái tận, vui nơi thủ tận, và vui nơi tâm

không di động.

“Bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo chứng đắc Vô sở trước, dứt trừ các lậu, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, hữu kết đã giải trừ, tự thân đạt được thiện nghĩa, bằng chánh trí mà chứng đắc giải thoát, thì tức khắc vị ấy liền vui nơi sáu trường hợp này.

“Bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo tu học tuy chưa đắc ý, mà mong cầu quả vị Niết-bàn an ổn vô thượng, vị ấy lúc bấy giờ chỉ mới thành tựu học căn và học giới, nhưng sau đó sẽ dứt trừ các lậu, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Vị ấy lúc bấy giờ đã thành tựu vô học căn và vô học giới.

“Bạch Thế Tôn, ví như một đồng tử thơ ấu, lúc bấy giờ chỉ mới thành tựu tiểu căn và tiểu giới, nhưng sau đó được đầy đủ học căn. Như vậy là đồng tử đó lúc bấy giờ đã thành tựu học căn và học giới. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo tu học tuy chưa đắc ý nhưng mong cầu quả vị Niết-bàn an ổn vô thượng, vị ấy lúc bấy giờ chỉ mới thành tựu học căn và học giới, nhưng sau đó sẽ dứt trừ các lậu, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Vị ấy lúc bấy giờ đã thành tựu vô học căn và vô học giới.

“Vị ấy nếu có sắc được nhận thức bởi mắt, khi sắc đó đến với mắt thì cũng không vì vậy mà khiến tâm giải thoát, tuệ giải thoát này phải bị vong thất, nội tâm được an trụ, khéo chế phục, thủ hộ, ghi nhớ và quán pháp hưng suy. Nếu có tiếng được nhận thức bởi tai, hương được nhận thức bởi mũi, vị được nhận thức bởi lưỡi, xúc được nhận thức bởi thân, pháp được nhận thức bởi ý, khi pháp đến với ý thì cũng không vì vậy mà khiến tâm giải thoát, tuệ giải thoát này phải bị vong thất, nội tâm được an trụ, khéo chế phục, thủ hộ, ghi nhớ và quán pháp hưng suy.

“Bạch Thế Tôn, ví như cách thôn không xa, có tòa núi đá lớn, không vỡ, không sứt mẻ, không yếu dòn, vững chắc, không trống hở, là một khối hợp nhất. Nếu có gió, mưa lớn từ phương Đông đến thì cũng không thể lay chuyển, không thể di động; cũng không phải gió phương Đông dời đến phương Nam. Nếu có gió, mưa lớn từ phương Nam đến thì cũng không thể lay chuyển, không thể di động; cũng không phải gió phương Nam dời đến phương Tây. Nếu có gió, mưa lớn từ phương Tây đến thì cũng không thể lay chuyển, không thể di động; cũng không phải gió phương Tây dời đến phương Nam. Nếu có gió, mưa lớn từ phương Bắc đến thì cũng không thể lay chuyển, không thể di động; cũng không phải gió phương Bắc dời đến các phương.

“Cũng vậy, bạch Thế Tôn, vị ấy nếu có sắc được nhận thức bởi mắt, khi sắc đó đến với mắt thì cũng không vì vậy mà khiến tâm giải thoát, tuệ giải thoát này sẽ bị vong thất, nội tâm được an trụ, khéo chế phục, thủ hộ, ghi nhớ và quán pháp hưng suy. Nếu có tiếng được nhận thức bởi tai, hương được nhận thức bởi mũi, vị được nhận thức bởi

lưỡi, xúc được nhận thức bởi thân, pháp được nhận thức bởi ý. Khi pháp đó đến với ý thì cũng không vì vậy mà khiến tâm giải thoát, tuệ giải thoát này sẽ bị vong thất, nội tâm được an trú, khéo chế phục, thủ hộ, ghi nhớ và quán pháp hưng suy."

Khi ấy, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ức liền nói bài tụng:

Vui nơi vô dục [08] ,

Thì tâm viễn ly;
Hoan hỷ vô tránh [09] ,
Hân hoan thủ tận.
Vui nơi thủ tận,
Tâm không di động,
Biết đúng như thật,
Tâm được giải thoát.
Tâm đã giải thoát,
Căn trần tĩnh chỉ [10] ,
Việc làm đã xong [11] ,
Không phải làm nữa.
Ví như núi đá,
Gió không lay nổi.
Sắc, thanh, hương, vị,
Thân, xúc cũng vậy;
Pháp ái, bất ái [12] ,
Không làm động tâm.
Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ức sau khi đối trước Đức Phật trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.<

Bấy giờ, sau khi Tôn giả Nhị Thập Ức đi ra không bao lâu, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Này các thiện nam tử, hãy nên đến trước Ta để trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí như vậy. Hãy như Sa-môn Nhị Thập Ức, đi đến trước Ta trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí mà không khen mình, không khinh người, nói điều nghĩa lợi, hiển hiện pháp tùy theo các trường hợp; chớ nên như kẻ ngu si bị tăng thượng mạn trói buộc, đến trước mặt Ta trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí. Kẻ ấy không đạt được nghĩa lợi, chỉ toàn là sự phiền nhọc. Sa-môn Nhị Thập Ức đi đến trước Ta trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí mà không khen mình, không khinh người, nói điều nghĩa lợi, hiển hiện pháp tùy theo các trường hợp."

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

-ooOoo-

Chú thích:

[01] Tương đương Pāli A. Vi.55. Soṇa-sutta; tham chiếu Luật tạng Pāli, Mv.1.1~ 30. Tham chiếu, No.99(254) Tạp A-hàm 9, kinh số 254; No.125(23.3) Tăng Nhất 13, phẩm 23 "Địa Chủ" kinh số 3; Tứ Phần 29, Đại 22 tr.843; Ngũ Phần 21, Đại 22, tr.145. [02] Sa-môn Nhị Thập Ức . Pāli: Soṇa (Koḷivīsa). No.99 (254) và No125 (23.3) dịch là Nhị Thập Ức Nhĩ, do Soṇa được đọc là Sota (lỗ tai); và Koḷi được đọc là koṭi (một ức). [03] Hán: Tỳ-kheo đắc Vô sở trước ; Pāli: bhikkhu arahaṃ, vị Tỳ-kheo là A-la-hán. [04] Hán: hữu kết dĩ giải ; Pāli: parikkhīṇabhavasaṃyojano(tận chư hữu kết), đã diệt tận hoàn toàn các phiền não trói buộc dẫn tới tái sinh. [05] Hán: tự đắc thiện nghĩa , tự mình đã đạt đến mục đích; Pāli: anuppattasadattho (đãi đắc kỹ lợi), đã đạt đến mục đích tối cao, chí thiện. [06] Hán: lạc thử lục xứ . Pāli: cha thānāni adhimutto, quyết định trong sáu trường hợp. [07] Vô dục , viễn ly , vô tránh , ái tận , thọ (=thủ) tận , tâm bất di động . Pāli: nekkhama (xuất gia), paviveka (ẩn dật), abyāpajjha (không não hại, hay không sân nhuế), taṇhākkhayā (đã diệt tận khát ái), upādanakkhaya (đã diệt tận chấp thủ), assammohā (vô si). [08] Pāli: nekkhamma, xuất ly, xuất gia. [09] Pāli: avyāpajjha, không não hại, không thù nghịch. [10] Hán: tức căn . Pāli: santacitta, tâm tịch tịnh. [11] Hán: tác dĩ bất quán . Pāli: katassa paṭicayo n'atthi, không có sự làm thêm đối với điều đã làm. [12] Pāli: iṭṭhā dhammā aniṭṭhā ca, các pháp khả ái và không khả ái.

-ooOoo-

trang trước

đầu trang

trang kế

[Thư mục BuddhaSasana]

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.